

DANH SÁCH 343 CĂN NHÀ TẠI DỰ ÁN THÀNH PHẦN 9, 132 CĂN TẠI DỰ ÁN THÀNH PHẦN 6-1 THUỘC DỰ ÁN KHU ĐÔ THỊ SINH THÁI, THƯƠNG MẠI DU LỊCH
TẠI XÃ BẾN LÚC, TỈNH TÂY NINH ĐỦ ĐIỀU KIỆN ĐỂ BÁN NHÀ Ở HÌNH THÀNH TRONG TƯƠNG LAI
(Đính kèm văn bản số...../SXD-NBĐS ngày/...../2025 của Sở Xây dựng)

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
TỔNG	475		117.640	130.429						
I. DỰ ÁN THÀNH PHẦN 9										
	343		92.767,38	93.962,74		44.207,27				
1. Khu 9-BT01	9		1.906,68	2.986,57		1.084,24				
1	9-BT01-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,80	320,24	A-SLS-12,8x16M	118,80	58,01	4	1,56	
2	9-BT01-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,80	320,24	A-SLS-12,8x16	118,80	58,01	4	1,56	
3	9-BT01-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,80	320,24	A-SLS-12,8x16M	118,80	58,01	4	1,56	
4	9-BT01-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,80	320,24	A-SLS-12,8x16	118,80	58,01	4	1,56	
5	9-BT01-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	210,44	354,57	Z-SLS-12,8x16M	118,26	56,20	4	1,68	
6	9-BT01-06	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	210,44	354,57	Z-SLS-12,8x16	118,26	56,20	4	1,68	
7	9-BT01-08A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	210,44	320,24	A-SLS-12,8x16M	118,80	56,45	4	1,52	
8	9-BT01-08	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	210,44	320,24	A-SLS-12,8x16	118,80	56,45	4	1,52	
9	9-BT01-09	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	245,72	356,01	A-DLS-18x16	134,92	54,91	4	1,45	
2. Khu 9-BT02	7		1.638,40	2.313,20		863,84				
1	9-BT02-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	307,20	356,01	A-DLS-18x16M	134,92	43,92	4	1,16	
2	9-BT02-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,80	320,24	A-SLS-12,8x16M	118,80	58,01	4	1,56	
3	9-BT02-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,80	320,24	A-SLS-12,8x16	118,80	58,01	4	1,56	
4	9-BT02-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,80	320,24	A-SLS-12,8x16M	118,80	58,01	4	1,56	
5	9-BT02-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,80	320,24	A-SLS-12,8x16	118,80	58,01	4	1,56	
6	9-BT02-11	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,80	320,24	A-SLS-12,8x16	118,80	58,01	4	1,56	
7	9-BT02-12	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	307,20	356,01	A-DLS-18x16	134,92	43,92	4	1,16	
3. Khu 9-BT03	4		860,80	1.349,61		474,12				
1	9-BT03-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,80	354,57	Z-SLS-12,8x16M	118,26	57,74	4	1,73	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
2	9-BT03-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,80	354,57	Z-SLS-12,8x16	118,26	57,74	4	1,73	
3	9-BT03-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,80	320,24	A-SLS-12,8x16M	118,80	58,01	4	1,56	
4	9-BT03-06	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	246,40	320,24	A-SLS-12,8x16	118,80	48,21	4	1,30	
4. Khu 9-BT04	2		630,95	676,25		253,72				
1	9-BT04-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	368,74	356,01	A-DLS-18x16M	134,92	36,59	4	0,97	
2	9-BT04-08A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	262,21	320,24	A-SLS-12,8x16	118,80	45,31	4	1,22	
5. Khu 9-BT05	7		2.019,61	2.346,09		846,64				
1	9-BT05-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	307,28	320,24	A-SLS-12,8x16M	118,80	38,66	4	1,04	
2	9-BT05-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	262,20	320,24	A-SLS-12,8x16	118,80	45,31	4	1,22	
3	9-BT05-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	262,20	354,57	Z-SLS-12,8x16M	118,26	45,10	4	1,35	
4	9-BT05-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	307,28	354,57	Z-SLS-12,8x16	118,26	38,49	4	1,15	
5	9-BT05-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	264,70	320,24	A-SLS-12,8x16M	118,80	44,88	4	1,21	
6	9-BT05-06	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	256,01	320,24	A-SLS-12,8x16	118,80	46,40	4	1,25	
7	9-BT05-08A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	359,94	356,01	A-DLS-18x16	134,92	37,48	4	0,99	
6. Khu 9-BT06	39		10.396,98	9.761,34		4.761,12				
1	9-BT06-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	483,56	323,76	AL-DL-18x20	179,53	37,13	3	0,67	
2	9-BT06-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	247,88	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	43,40	3	0,88	
3	9-BT06-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	245,88	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	43,76	3	0,88	
4	9-BT06-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	245,88	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	42,07	3	0,94	
5	9-BT06-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	245,88	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	42,07	3	0,94	
6	9-BT06-06	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	245,88	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	43,76	3	0,88	
7	9-BT06-08A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	245,88	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	43,76	3	0,88	
8	9-BT06-08	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	366,64	294,74	AL-DL-15x20	139,26	37,98	3	0,80	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
9	9-BT06-09	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	220,00	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	48,90	3	0,99	
10	9-BT06-10	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	220,00	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	48,90	3	0,99	
11	9-BT06-11	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	249,94	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	41,38	3	0,92	
12	9-BT06-12	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	244,32	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	42,34	3	0,94	
13	9-BT06-12A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	244,32	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	44,04	3	0,89	
14	9-BT06-15A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	244,32	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	44,04	3	0,89	
15	9-BT06-15	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	366,67	294,74	AL-DL-15x20M	139,26	37,98	3	0,80	
16	9-BT06-16	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	366,67	294,74	AL-DL-15x20M	139,26	37,98	3	0,80	
17	9-BT06-18A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	355,75	288,54	A-DLV-15x20M	141,52	39,78	3	0,81	
18	9-BT06-18	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	330,00	294,74	AL-DL-15x20M	139,26	42,20	3	0,89	
19	9-BT06-19	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	413,80	323,76	AL-DL-18x20M	179,53	43,39	3	0,78	
20	9-BT06-20	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	301,53	274,98	A-DLRQ-12x15M	140,62	46,64	3	0,91	
21	9-BT06-21	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	295,03	270,86	AL-DLRQ-12x15M	140,62	47,66	3	0,92	
22	9-BT06-22	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	295,03	270,86	AL-DLRQ-12x15	140,62	47,66	3	0,92	
23	9-BT06-23	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	295,03	274,98	A-DLRQ-12x15	140,62	47,66	3	0,93	
24	9-BT06-24	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	354,82	338,75	A-DLV-18x20	165,90	46,76	3	0,95	
25	9-BT06-25	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	270,00	276,52	AL-DL-13,5x20	130,15	48,20	3	1,02	
26	9-BT06-26	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	56,63	3	1,15	
27	9-BT06-27	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	192,31	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	55,95	3	1,13	
28	9-BT06-28	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	192,11	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	53,84	3	1,20	
29	9-BT06-29	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	192,11	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	53,84	3	1,20	
30	9-BT06-30	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	192,11	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	56,00	3	1,13	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
31	9-BT06-31	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	192,11	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	56,00	3	1,13	
32	9-BT06-32	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	270,00	276,52	AL-DL-13,5x20M	130,15	48,20	3	1,02	
33	9-BT06-33	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	189,99	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	56,63	3	1,15	
34	9-BT06-34	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,28	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	56,54	3	1,14	
35	9-BT06-35	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	192,13	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	53,84	3	1,20	
36	9-BT06-36	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	192,13	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	53,84	3	1,20	
37	9-BT06-37	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	192,13	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	56,00	3	1,13	
38	9-BT06-38	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	192,17	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	55,99	3	1,13	
39	9-BT06-39	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	432,69	338,75	A-DLV-18x20M	165,90	38,34	3	0,78	
7. Khu 9-BT07	10		3.019,56	2.778,80		1.401,62				
1	9-BT07-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	409,23	323,76	AL-DL-18x20	179,53	43,87	3	0,79	
2	9-BT07-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	206,94	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	51,99	3	1,05	
3	9-BT07-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	206,94	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	51,99	3	1,05	
4	9-BT07-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	309,58	294,74	AL-DL-15x20M	139,26	44,98	3	0,95	
5	9-BT07-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	295,03	274,98	A-DLRQ-12x15M	140,62	47,66	3	0,93	
6	9-BT07-06	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	295,03	270,86	AL-DLRQ-12x15M	140,62	47,66	3	0,92	
7	9-BT07-08A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	295,03	270,86	AL-DLRQ-12x15	140,62	47,66	3	0,92	
8	9-BT07-08	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	295,03	274,98	A-DLRQ-12x15	140,62	47,66	3	0,93	
9	9-BT07-09	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	314,12	294,74	AL-DL-15x20	139,26	44,33	3	0,94	
10	9-BT07-10	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	392,63	338,75	A-DLV-18x20M	165,90	42,25	3	0,86	
8. Khu 9-BT08	17		5.907,32	4.989,24		2.602,68				
1	9-BT08-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	388,39	323,76	AL-DL-18x20	179,53	46,22	3	0,83	
2	9-BT08-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	224,81	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	47,86	3	0,97	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
3	9-BT08-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	237,62	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	45,28	3	0,92	
4	9-BT08-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	237,62	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	43,53	3	0,97	
5	9-BT08-15	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	447,79	323,76	AL-DL-18x20M	179,53	40,09	3	0,72	
6	9-BT08-16	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	696,05	437,34	AL-DL-29x20M	258,29	37,11	3	0,63	
7	9-BT08-18A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	413,44	338,75	A-DLV-18x20M	165,90	40,13	3	0,82	
8	9-BT08-27	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	295,03	270,86	AL-DLRQ-12x15	140,62	47,66	3	0,92	
9	9-BT08-28	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	290,53	274,98	A-DLRQ-12x15	140,62	48,40	3	0,95	
10	9-BT08-29	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	295,97	288,54	A-DLV-15x20	141,52	47,82	3	0,97	
11	9-BT08-30	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	196,30	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	52,69	3	1,17	
12	9-BT08-31	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	196,30	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	52,69	3	1,17	
13	9-BT08-32	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	196,30	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	54,81	3	1,11	
14	9-BT08-33	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	196,30	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	54,81	3	1,11	
15	9-BT08-34	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	309,97	294,74	AL-DL-15x20M	139,26	44,93	3	0,95	
16	9-BT08-35	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	634,90	437,34	AL-DL-29x20M	258,29	40,68	3	0,69	
17	9-BT08-36	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	650,00	437,77	A-DLV-29x20	258,45	39,76	3	0,67	
9. Khu 9-BT09	18		3.720,00	4.202,05		2.006,98				
1	9-BT09-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	360,00	323,76	AL-DL-18x20	179,53	49,87	3	0,90	
2	9-BT09-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	54,44	3	1,21	
3	9-BT09-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	54,44	3	1,21	
4	9-BT09-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	56,63	3	1,15	
5	9-BT09-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	56,63	3	1,15	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
6	9-BT09-06	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	56,63	3	1,15	
7	9-BT09-08A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	56,63	3	1,15	
8	9-BT09-08	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	54,44	3	1,21	
9	9-BT09-09	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	54,44	3	1,21	
10	9-BT09-65	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	54,44	3	1,21	
11	9-BT09-66	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	54,44	3	1,21	
12	9-BT09-67	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	56,63	3	1,15	
13	9-BT09-68	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	56,63	3	1,15	
14	9-BT09-69	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	56,63	3	1,15	
15	9-BT09-70	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	56,63	3	1,15	
16	9-BT09-71	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	54,44	3	1,21	
17	9-BT09-72	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	54,44	3	1,21	
18	9-BT09-73	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	320,00	294,74	AL-DL-15x20M	139,26	43,52	3	0,92	
10. Khu 9-BT10	36		11.076,66	10.129,84		5.128,53				
1	9-BT10-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	696,45	437,34	AL-DL-29x20M	258,29	37,09	3	0,63	
2	9-BT10-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	651,88	437,34	AL-DL-29x20	258,29	39,62	3	0,67	
3	9-BT10-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	278,71	276,52	AL-DL-13,5x20M	130,15	46,70	3	0,99	
4	9-BT10-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	201,98	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	51,21	3	1,14	
5	9-BT10-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	200,91	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	51,48	3	1,15	
6	9-BT10-06	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	267,71	276,52	AL-DL-13,5x20M	130,15	48,62	3	1,03	
7	9-BT10-08A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	295,03	274,98	A-DLRQ-12x15M	140,62	47,66	3	0,93	
8	9-BT10-08	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	295,03	270,86	AL-DLRQ-12x15M	140,62	47,66	3	0,92	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
9	9-BT10-09	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	295,03	270,86	AL-DLRQ-12x15	140,62	47,66	3	0,92	
10	9-BT10-10	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	295,03	274,98	A-DLRQ-12x15	140,62	47,66	3	0,93	
11	9-BT10-11	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	278,37	276,52	AL-DL-13,5x20	130,15	46,75	3	0,99	
12	9-BT10-12	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	196,97	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	52,51	3	1,17	
13	9-BT10-12A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	217,34	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	47,59	3	1,06	
14	9-BT10-15A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	217,34	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	49,50	3	1,00	
15	9-BT10-15	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	217,34	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	49,50	3	1,00	
16	9-BT10-16	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	299,02	262,54	A-DLV-13,5x20	129,09	43,17	3	0,88	
17	9-BT10-18A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	672,78	437,77	A-DLV-29x20M	258,45	38,42	3	0,65	
18	9-BT10-18	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	375,11	338,75	A-DLV-18x20M	165,90	44,23	3	0,90	
19	9-BT10-19	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	375,13	323,76	AL-DL-18x20M	179,53	47,86	3	0,86	
20	9-BT10-20	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	566,66	437,34	AL-DL-29x20	258,29	45,58	3	0,77	
21	9-BT10-21	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	276,00	276,52	AL-DL-13,5x20	130,15	47,16	3	1,00	
22	9-BT10-22	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	200,00	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	51,72	3	1,15	
23	9-BT10-23	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	200,00	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	51,72	3	1,15	
24	9-BT10-24	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	270,00	276,52	AL-DL-13,5x20	130,15	48,20	3	1,02	
25	9-BT10-25	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	267,18	262,54	A-DLV-13,5x20M	129,09	48,32	3	0,98	
26	9-BT10-26	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	295,03	274,98	A-DLRQ-12x15M	140,62	47,66	3	0,93	
27	9-BT10-27	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	295,03	270,86	AL-DLRQ-12x15M	140,62	47,66	3	0,92	
28	9-BT10-28	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	295,03	270,86	AL-DLRQ-12x15	140,62	47,66	3	0,92	
29	9-BT10-29	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	295,03	274,98	A-DLRQ-12x15	140,62	47,66	3	0,93	
30	9-BT10-30	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	299,97	294,74	AL-DL-15x20	139,26	46,42	3	0,98	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
31	9-BT10-31	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	200,00	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	51,72	3	1,15	
32	9-BT10-32	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	200,00	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	51,72	3	1,15	
33	9-BT10-33	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	200,00	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	53,80	3	1,09	
34	9-BT10-34	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	200,00	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	53,80	3	1,09	
35	9-BT10-35	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	300,00	294,74	AL-DL-15x20M	139,26	46,42	3	0,98	
36	9-BT10-36	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	389,57	323,76	AL-DL-18x20M	179,53	46,08	3	0,83	
11. Khu 9-BT11	9		1.843,20	3.019,46		1.067,04				
1	9-BT11-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,80	320,24	A-SLS-12,8x16	118,80	58,01	4	1,56	
2	9-BT11-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,80	320,24	A-SLS-12,8x16M	118,80	58,01	4	1,56	
3	9-BT11-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,80	354,57	Z-SLS-12,8x16	118,26	57,74	4	1,73	
4	9-BT11-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,80	354,57	Z-SLS-12,8x16M	118,26	57,74	4	1,73	
5	9-BT11-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,80	320,24	A-SLS-12,8x16	118,80	58,01	4	1,56	
6	9-BT11-06	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,80	320,24	A-SLS-12,8x16M	118,80	58,01	4	1,56	
7	9-BT11-08A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,80	354,57	Z-SLS-12,8x16	118,26	57,74	4	1,73	
8	9-BT11-08	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,80	354,57	Z-SLS-12,8x16M	118,26	57,74	4	1,73	
9	9-BT11-09	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,80	320,24	A-SLS-12,8x16	118,80	58,01	4	1,56	
12. Khu 9-BT12	5		1.080,09	1.635,51		593,46				
1	9-BT12-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	216,00	320,24	A-SLS-12,8x16	118,80	55,00	4	1,48	
2	9-BT12-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	216,02	320,24	A-SLS-12,8x16M	118,80	54,99	4	1,48	
3	9-BT12-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	216,02	320,24	A-SLS-12,8x16	118,80	54,99	4	1,48	
4	9-BT12-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	216,03	320,24	A-SLS-12,8x16M	118,80	54,99	4	1,48	
5	9-BT12-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	216,02	354,57	Z-SLS-12,8x16	118,26	54,74	4	1,64	
13. Khu 9-BT13	5		1.080,10	1.669,85		592,92				

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
1	9-BT13-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	216,02	320,24	A-SLS-12,8x16	118,80	54,99	4	1,48	
2	9-BT13-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	216,02	320,24	A-SLS-12,8x16M	118,80	54,99	4	1,48	
3	9-BT13-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	216,02	354,57	Z-SLS-12,8x16	118,26	54,74	4	1,64	
4	9-BT13-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	216,02	354,57	Z-SLS-12,8x16M	118,26	54,74	4	1,64	
5	9-BT13-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	216,02	320,24	A-SLS-12,8x16	118,80	54,99	4	1,48	
14. Khu 9-BT14	3		614,40	960,71		356,40				
1	9-BT14-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,80	320,24	A-SLS-12,8x16	118,80	58,01	4	1,56	
2	9-BT14-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,80	320,24	A-SLS-12,8x16M	118,80	58,01	4	1,56	
3	9-BT14-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,80	320,24	A-SLS-12,8x16	118,80	58,01	4	1,56	
15. Khu 9-BT15	6		1.538,34	1.990,08		711,72				
1	9-BT15-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	256,01	320,24	A-SLS-12,8x16	118,80	46,40	4	1,25	
2	9-BT15-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	256,23	320,24	A-SLS-12,8x16M	118,80	46,36	4	1,25	
3	9-BT15-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	256,31	354,57	Z-SLS-12,8x16	118,26	46,14	4	1,38	
4	9-BT15-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	256,80	354,57	Z-SLS-12,8x16M	118,26	46,05	4	1,38	
5	9-BT15-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	256,68	320,24	A-SLS-12,8x16	118,80	46,28	4	1,25	
6	9-BT15-12	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	256,31	320,24	A-SLS-12,8x16M	118,80	46,35	4	1,25	
16. Khu 9-BT16	18		4.864,83	4.476,71		2.184,65				
1	9-BT16-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	476,57	323,76	AL-DL-18x20M	179,53	37,67	3	0,68	
2	9-BT16-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	251,07	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	42,85	3	0,87	
3	9-BT16-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	253,58	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	42,43	3	0,86	
4	9-BT16-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	457,26	338,75	A-DLV-18x20M	165,90	36,28	3	0,74	
5	9-BT16-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	253,58	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	40,79	3	0,91	
6	9-BT16-06	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	253,58	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	40,79	3	0,91	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
7	9-BT16-08A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	242,63	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	44,34	3	0,90	
8	9-BT16-08	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	220,00	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	48,90	3	0,99	
9	9-BT16-09	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	220,00	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	48,90	3	0,99	
10	9-BT16-10	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	220,00	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	48,90	3	0,99	
11	9-BT16-11	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	220,00	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	47,02	3	1,05	
12	9-BT16-26	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	56,63	3	1,15	
13	9-BT16-27	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	54,44	3	1,21	
14	9-BT16-28	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	54,44	3	1,21	
15	9-BT16-29	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	276,91	276,52	AL-DL-13,5x20M	130,15	47,00	3	1,00	
16	9-BT16-30	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	276,94	262,54	A-DLV-13,5x20	129,09	46,61	3	0,95	
17	9-BT16-31	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	276,76	276,52	AL-DL-13,5x20M	130,15	47,03	3	1,00	
18	9-BT16-32	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	395,95	323,76	AL-DL-18x20	179,53	45,34	3	0,82	
17. Khu 9-BT17	38		10.576,56	10.070,83		5.047,03				
1	9-BT17-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	391,69	323,76	AL-DL-18x20M	179,53	45,83	3	0,83	
2	9-BT17-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	324,36	294,74	AL-DL-15x20	139,26	42,93	3	0,91	
3	9-BT17-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	339,15	288,54	A-DLV-15x20	141,52	41,73	3	0,85	
4	9-BT17-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	339,15	294,74	AL-DL-15x20	139,26	41,06	3	0,87	
5	9-BT17-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	216,12	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	49,78	3	1,01	
6	9-BT17-06	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	56,63	3	1,15	
7	9-BT17-08A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	54,44	3	1,21	
8	9-BT17-08	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	54,44	3	1,21	
9	9-BT17-09	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	56,63	3	1,15	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
10	9-BT17-10	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	56,63	3	1,15	
11	9-BT17-11	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	310,25	294,74	AL-DL-15x20	139,26	44,89	3	0,95	
12	9-BT17-12	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	283,72	274,98	A-DLRQ-12x15	140,62	49,56	3	0,97	
13	9-BT17-12A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	295,03	270,86	AL-DLRQ-12x15	140,62	47,66	3	0,92	
14	9-BT17-15A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	295,03	270,86	AL-DLRQ-12x15M	140,62	47,66	3	0,92	
15	9-BT17-15	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	295,03	274,98	A-DLRQ-12x15M	140,62	47,66	3	0,93	
16	9-BT17-16	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	202,65	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	53,09	3	1,07	
17	9-BT17-18A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	56,63	3	1,15	
18	9-BT17-18	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	54,44	3	1,21	
19	9-BT17-19	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	54,44	3	1,21	
20	9-BT17-20	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	56,63	3	1,15	
21	9-BT17-21	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	200,00	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	53,80	3	1,09	
22	9-BT17-22	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	359,45	323,76	AL-DL-18x20	179,53	49,95	3	0,90	
23	9-BT17-23	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	611,42	437,77	A-DLV-29x20	258,45	42,27	3	0,72	
24	9-BT17-24	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	400,57	338,75	A-DLV-18x20	165,90	41,42	3	0,85	
25	9-BT17-25	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	400,57	323,76	AL-DL-18x20M	179,53	44,82	3	0,81	
26	9-BT17-26	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	400,57	323,76	AL-DL-18x20	179,53	44,82	3	0,81	
27	9-BT17-29	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	333,18	294,74	AL-DL-15x20M	139,26	41,80	3	0,88	
28	9-BT17-30	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	232,42	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	44,50	3	0,99	
29	9-BT17-31	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	232,42	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	44,50	3	0,99	
30	9-BT17-32	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	392,79	323,76	AL-DL-18x20	179,53	45,71	3	0,82	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
31	9-BT17-33	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	392,79	338,75	A-DLV-18x20	165,90	42,24	3	0,86	
32	9-BT17-34	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	232,42	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	46,29	3	0,94	
33	9-BT17-35	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	214,38	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	50,19	3	1,01	
34	9-BT17-36	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	54,44	3	1,21	
35	9-BT17-37	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	54,44	3	1,21	
36	9-BT17-38	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	56,63	3	1,15	
37	9-BT17-39	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	56,63	3	1,15	
38	9-BT17-40	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	411,40	323,76	AL-DL-18x20	179,53	43,64	3	0,79	
18. Khu 9-BT18	8		2.176,20	2.126,69		1.061,89				
1	9-BT18-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	396,61	323,76	AL-DL-18x20	179,53	45,27	3	0,82	
2	9-BT18-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	300,00	294,74	AL-DL-15x20M	139,26	46,42	3	0,98	
3	9-BT18-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	339,68	288,54	A-DLV-15x20M	141,52	41,66	3	0,85	
4	9-BT18-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	200,00	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	53,80	3	1,09	
5	9-BT18-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	56,63	3	1,15	
6	9-BT18-06	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	54,44	3	1,21	
7	9-BT18-08A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	200,00	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	51,72	3	1,15	
8	9-BT18-08	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	359,91	323,76	AL-DL-18x20M	179,53	49,88	3	0,90	
19. Khu 9-BT19	50		12.945,86	12.415,21		6.035,95				
1	9-BT19-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	398,99	323,76	AL-DL-18x20M	179,53	45,00	3	0,81	
2	9-BT19-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	56,63	3	1,15	
3	9-BT19-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	56,63	3	1,15	
4	9-BT19-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	54,44	3	1,21	
5	9-BT19-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	54,44	3	1,21	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
6	9-BT19-06	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	300,97	294,74	AL-DL-15x20M	139,26	46,27	3	0,98	
7	9-BT19-08A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,28	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	56,54	3	1,14	
8	9-BT19-08	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,28	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	56,54	3	1,14	
9	9-BT19-09	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	270,58	262,54	A-DLV-13,5x20M	129,09	47,71	3	0,97	
10	9-BT19-10	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	274,14	276,52	AL-DL-13,5x20	130,15	47,48	3	1,01	
11	9-BT19-11	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	301,05	274,98	A-DLRQ-12x15	140,62	46,71	3	0,91	
12	9-BT19-12	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	295,03	270,86	AL-DLRQ-12x15	140,62	47,66	3	0,92	
13	9-BT19-12A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	295,03	270,86	AL-DLRQ-12x15M	140,62	47,66	3	0,92	
14	9-BT19-15A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	299,98	274,98	A-DLRQ-12x15M	140,62	46,88	3	0,92	
15	9-BT19-15	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	348,21	276,52	AL-DL-13,5x20M	130,15	37,38	3	0,79	
16	9-BT19-16	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	343,74	276,52	AL-DL-13,5x20	130,15	37,86	3	0,80	
17	9-BT19-18A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	229,15	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	45,14	3	1,01	
18	9-BT19-18	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	229,15	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	45,14	3	1,01	
19	9-BT19-19	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	229,15	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	46,95	3	0,95	
20	9-BT19-20	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	235,06	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	45,77	3	0,93	
21	9-BT19-21	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	220,00	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	48,90	3	0,99	
22	9-BT19-22	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	220,00	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	48,90	3	0,99	
23	9-BT19-23	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	220,00	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	47,02	3	1,05	
24	9-BT19-24	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	220,00	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	47,02	3	1,05	
25	9-BT19-25	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	297,00	276,52	AL-DL-13,5x20M	130,15	43,82	3	0,93	
26	9-BT19-26	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	297,00	276,52	AL-DL-13,5x20	130,15	43,82	3	0,93	
27	9-BT19-27	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	310,92	262,54	A-DLV-13,5x20M	129,09	41,52	3	0,84	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
28	9-BT19-28	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	315,51	276,52	AL-DL-13,5x20	130,15	41,25	3	0,88	
29	9-BT19-29	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	233,68	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	44,26	3	0,99	
30	9-BT19-30	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	233,68	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	44,26	3	0,99	
31	9-BT19-31	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	233,68	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	46,04	3	0,93	
32	9-BT19-32	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	228,49	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	47,09	3	0,95	
33	9-BT19-33	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	220,07	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	48,89	3	0,99	
34	9-BT19-34	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	220,11	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	48,88	3	0,99	
35	9-BT19-35	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	220,01	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	47,01	3	1,05	
36	9-BT19-36	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	220,09	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	47,00	3	1,05	
37	9-BT19-37	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	305,56	276,52	AL-DL-13,5x20	130,15	42,59	3	0,90	
38	9-BT19-38	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	350,68	274,98	A-DLRQ-12x15	140,62	40,10	3	0,78	
39	9-BT19-39	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	350,68	270,86	AL-DLRQ-12x15	140,62	40,10	3	0,77	
40	9-BT19-40	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	350,68	270,86	AL-DLRQ-12x15M	140,62	40,10	3	0,77	
41	9-BT19-41	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	350,68	274,98	A-DLRQ-12x15M	140,62	40,10	3	0,78	
42	9-BT19-42	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	297,36	294,74	AL-DL-15x20M	139,26	46,83	3	0,99	
43	9-BT19-43	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	198,54	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	54,19	3	1,10	
44	9-BT19-45A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	195,69	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	54,98	3	1,11	
45	9-BT19-45	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	195,03	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	53,03	3	1,18	
46	9-BT19-46	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,02	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	54,43	3	1,21	
47	9-BT19-48A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	189,99	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	56,63	3	1,15	
48	9-BT19-48	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	189,99	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	56,63	3	1,15	
49	9-BT19-50A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	299,92	288,54	A-DLV-15x20M	141,52	47,19	3	0,96	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
50	9-BT19-50	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	380,01	323,76	AL-DL-18x20	179,53	47,24	3	0,85	
20. Khu 9-BT20	25		7.653,30	6.991,48		3.612,51				
1	9-BT20-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	359,69	338,75	A-DLV-18x20M	165,90	46,12	3	0,94	
2	9-BT20-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	191,82	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	56,09	3	1,13	
3	9-BT20-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	199,07	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	54,05	3	1,09	
4	9-BT20-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	199,07	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	51,96	3	1,16	
5	9-BT20-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	199,07	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	51,96	3	1,16	
6	9-BT20-06	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	199,07	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	54,05	3	1,09	
7	9-BT20-08A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	199,07	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	54,05	3	1,09	
8	9-BT20-08	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	254,43	276,52	AL-DL-13,5x20	130,15	51,15	3	1,09	
9	9-BT20-09	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	291,27	274,98	A-DLRQ-12x15	140,62	48,28	3	0,94	
10	9-BT20-10	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	295,03	270,86	AL-DLRQ-12x15	140,62	47,66	3	0,92	
11	9-BT20-11	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	295,03	270,86	AL-DLRQ-12x15M	140,62	47,66	3	0,92	
12	9-BT20-12	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	294,41	274,98	A-DLRQ-12x15M	140,62	47,76	3	0,93	
13	9-BT20-12A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	194,30	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	55,37	3	1,12	
14	9-BT20-15A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,36	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	56,52	3	1,14	
15	9-BT20-15	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,36	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	54,34	3	1,21	
16	9-BT20-16	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,36	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	54,34	3	1,21	
17	9-BT20-18A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,36	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	56,52	3	1,14	
18	9-BT20-18	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	200,01	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	53,79	3	1,09	
19	9-BT20-19	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	616,79	437,77	A-DLV-29x20	258,45	41,90	3	0,71	
20	9-BT20-20	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	645,95	437,34	AL-DL-29x20M	258,29	39,99	3	0,68	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
21	9-BT20-21	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	400,00	323,76	AL-DL-18x20M	179,53	44,88	3	0,81	
22	9-BT20-22	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	400,00	323,76	AL-DL-18x20	179,53	44,88	3	0,81	
23	9-BT20-23	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	422,17	338,75	A-DLV-18x20M	165,90	39,30	3	0,80	
24	9-BT20-24	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	422,17	323,76	AL-DL-18x20	179,53	42,53	3	0,77	
25	9-BT20-25	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	613,44	437,34	AL-DL-29x20M	258,29	42,11	3	0,71	
21. Khu 9-BT21	27		7.217,54	7.073,21		3.520,22				
1	9-BT21-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	284,51	276,52	AL-DL-13,5x20M	130,15	45,75	3	0,97	
2	9-BT21-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	195,85	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	54,93	3	1,11	
3	9-BT21-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	195,85	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	54,93	3	1,11	
4	9-BT21-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	195,85	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	52,81	3	1,18	
5	9-BT21-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,41	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	54,32	3	1,21	
6	9-BT21-06	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	362,25	338,75	A-DLV-18x20	165,90	45,80	3	0,94	
7	9-BT21-08A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	270,90	262,54	A-DLV-13,5x20M	129,09	47,65	3	0,97	
8	9-BT21-08	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	271,79	276,52	AL-DL-13,5x20	130,15	47,89	3	1,02	
9	9-BT21-09	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	293,90	274,98	A-DLRQ-12x15	140,62	47,85	3	0,94	
10	9-BT21-10	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	295,03	270,86	AL-DLRQ-12x15	140,62	47,66	3	0,92	
11	9-BT21-18	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	198,52	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	54,20	3	1,10	
12	9-BT21-19	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	198,51	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	54,20	3	1,10	
13	9-BT21-20	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	276,04	262,54	A-DLV-13,5x20M	129,09	46,76	3	0,95	
14	9-BT21-21	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	276,02	276,52	AL-DL-13,5x20	130,15	47,15	3	1,00	
15	9-BT21-22	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	583,86	437,77	A-DLV-29x20	258,45	44,27	3	0,75	
16	9-BT21-23	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	601,88	437,34	AL-DL-29x20M	258,29	42,91	3	0,73	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
17	9-BT21-24	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	320,92	294,74	AL-DL-15x20M	139,26	43,39	3	0,92	
18	9-BT21-25	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,19	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	54,38	3	1,21	
19	9-BT21-26	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,19	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	54,38	3	1,21	
20	9-BT21-27	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,19	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	56,57	3	1,14	
21	9-BT21-43	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	205,17	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	52,44	3	1,06	
22	9-BT21-45A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	205,17	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	52,44	3	1,06	
23	9-BT21-45	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	205,17	230,37	A-SLV-9,5x20M	103,43	50,41	3	1,12	
24	9-BT21-46	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	205,17	230,37	A-SLV-9,5x20	103,43	50,41	3	1,12	
25	9-BT21-48A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	205,17	217,57	AL-SL-9,5x20M	107,59	52,44	3	1,06	
26	9-BT21-48	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	205,17	217,57	AL-SL-9,5x20	107,59	52,44	3	1,06	
27	9-BT21-50A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	403,86	323,76	AL-DL-18x20	179,53	44,45	3	0,80	
I. DỰ ÁN THÀNH PHẦN 6-1										
	132		24.873,10	36.466,03		13.074,18				
1. Khu 6-1-LK01	24		2.786,86	5.821,73		2.108,38				
1	6-LK01-09	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	120,07	243,58	PK6-SH-6.5X17-DH	87,81	73,13	3	2,03	
2	6-LK01-10	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	119,30	240,34	PK6-SH-6.5X17-DH1M	87,81	73,60	3	2,01	
3	6-LK01-11	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	136,69	243,95	PK6-SH-7.5x17-G1M	87,95	64,34	3	1,78	
4	6-LK01-12	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	135,12	246,77	PK6-SH-7.5x17-G	87,95	65,09	3	1,83	
5	6-LK01-12A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	116,27	243,58	PK6-SH-6.5X17-DH	87,81	75,52	3	2,09	
6	6-LK01-15A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	115,50	240,34	PK6-SH-6.5X17-DH1M	87,81	76,03	3	2,08	
7	6-LK01-15	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	114,73	240,34	PK6-SH-6.5X17-DH1	87,81	76,54	3	2,09	
8	6-LK01-16	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	113,96	243,58	PK6-SH-6.5X17-DHM	87,81	77,05	3	2,14	
9	6-LK01-18A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	113,19	243,58	PK6-SH-6.5X17-DH	87,81	77,58	3	2,15	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
10	6-LK01-18	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	112,42	240,34	PK6-SH-6.5X17-DH1M	87,81	78,11	3	2,14	
11	6-LK01-19	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	128,76	243,95	PK6-SH-7.5x17-G1M	87,95	68,31	3	1,89	
12	6-LK01-21	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	110,91	243,58	PK6-SH-6.5X17-DH	87,81	79,17	3	2,20	
13	6-LK01-22	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	110,79	240,34	PK6-SH-6.5X17-DH1M	87,81	79,26	3	2,17	
14	6-LK01-25	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	110,41	243,58	PK6-SH-6.5X17-DH	87,81	79,53	3	2,21	
15	6-LK01-26	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	110,29	240,34	PK6-SH-6.5X17-DH1M	87,81	79,62	3	2,18	
16	6-LK01-27	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	127,10	243,95	PK6-SH-7.5x17-G1M	87,95	69,20	3	1,92	
17	6-LK01-28	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	126,85	246,95	PK6-SH-7.5x17-G	88,01	69,38	3	1,95	
18	6-LK01-29	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	109,80	240,52	PK6-SH-6.5X17-DH1	87,87	80,03	3	2,19	
19	6-LK01-30	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	109,68	243,76	PK6-SH-6.5X17-DH	87,87	80,11	3	2,22	
20	6-LK01-31	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	109,55	240,52	PK6-SH-6.5X17-DH1	87,87	80,21	3	2,20	
21	6-LK01-34	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	109,05	240,34	PK6-SH-6.5X17-DH1	87,81	80,52	3	2,20	
22	6-LK01-35	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	108,93	243,58	PK6-SH-6.5X17-DHM	87,81	80,61	3	2,24	
23	6-LK01-36	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	108,81	243,58	PK6-SH-6.5X17-DH	87,81	80,70	3	2,24	
24	6-LK01-37	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	108,68	240,34	PK6-SH-6.5X17-DH1M	87,81	80,80	3	2,21	
2. Khu 6-1-LK03	5		500,00	875,84		332,80				
1	6-LK03-20	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	100,00	174,20	PK6-LK-5X20-DH1M	66,56	66,56	3	1,74	
2	6-LK03-21	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	100,00	176,62	PK6-LK-5X20-DH	66,56	66,56	3	1,77	
3	6-LK03-22	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	100,00	176,62	PK6-LK-5X20-DHM	66,56	66,56	3	1,77	
4	6-LK03-23	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	100,00	174,20	PK6-LK-5X20-DH1	66,56	66,56	3	1,74	
5	6-LK03-24	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	100,00	174,20	PK6-LK-5X20-DH1M	66,56	66,56	3	1,74	
3. Khu 6-1-LK06	3		369,00	729,44		263,55				
1	6-LK06-10	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	117,00	245,36	PK6-LK-6.5X18-DHM	87,80	75,04	3	2,10	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
2	6-LK06-11	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	117,00	242,16	PK6-LK-6.5X18-DH1	87,80	75,04	3	2,07	
3	6-LK06-12	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	135,00	241,92	PK6-LK-6.5X18-G1	87,95	65,15	3	1,79	
4. Khu 6-1-LK07	5		639,00	1.220,94		439,62				
1	6-LK07-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	144,00	245,36	PK6-LK-6.5X18-GM	88,02	61,13	3	1,70	
2	6-LK07-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	117,00	242,34	PK6-LK-6.5X18-DH1	87,86	75,09	3	2,07	
3	6-LK07-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	117,00	245,54	PK6-LK-6.5X18-DH	87,86	75,09	3	2,10	
4	6-LK07-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	117,00	242,34	PK6-LK-6.5X18-DH1	87,86	75,09	3	2,07	
5	6-LK07-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	144,00	245,36	PK6-LK-6.5X18-G	88,02	61,13	3	1,70	
5. Khu 6-1-BT06	2		342,00	538,62		187,04				
1	6-BT06-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	54,69	3	1,57	
2	6-BT06-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	54,69	3	1,57	
6. Khu 6-1-BT07	1		352,43	414,80		155,08				
1	6-BT07-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	352,43	414,80	PK6-DLS-G3M	155,08	44,00	3	1,18	
7. Khu 6-1-BT08	17		3.762,50	4.898,58		1.724,28				
1	6-BT08-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	194,62	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	48,05	3	1,38	
2	6-BT08-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	194,62	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	48,05	3	1,38	
3	6-BT08-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	194,62	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	48,05	3	1,38	
4	6-BT08-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	194,62	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	48,05	3	1,38	
5	6-BT08-06	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	194,62	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	48,05	3	1,38	
6	6-BT08-08A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	194,62	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	48,05	3	1,38	
7	6-BT08-08	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	314,87	399,64	PK6-DLS-G1M	150,47	47,79	3	1,27	
8	6-BT08-09	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	318,15	399,64	PK6-DLS-G1	150,47	47,30	3	1,26	
9	6-BT08-10	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	194,47	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	48,09	3	1,38	
10	6-BT08-11	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	194,49	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	48,08	3	1,38	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
11	6-BT08-12	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	194,51	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	48,08	3	1,38	
12	6-BT08-12A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	194,54	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	48,07	3	1,38	
13	6-BT08-15A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	194,56	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	48,07	3	1,38	
14	6-BT08-15	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	194,58	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	48,06	3	1,38	
15	6-BT08-18A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	275,56	294,77	PK6-DLS-GM	102,11	37,06	3	1,07	
16	6-BT08-18	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	240,00	278,04	PK6-DLS-G2	96,88	40,37	3	1,16	
17	6-BT08-19	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	279,05	294,77	PK6-DLS-G	102,11	36,59	3	1,06	
8. Khu 6-1-BT09	17		3.465,99	4.894,50		1.725,95				
1	6-BT09-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	189,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	49,48	3	1,42	
2	6-BT09-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	54,69	3	1,57	
3	6-BT09-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	54,69	3	1,57	
4	6-BT09-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	54,69	3	1,57	
5	6-BT09-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	212,00	278,04	PK6-DLS-G2	96,88	45,70	3	1,31	
6	6-BT09-06	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	389,09	405,86	PK6-DLS-G4	156,12	40,12	3	1,04	
7	6-BT09-08A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	54,69	3	1,57	
8	6-BT09-08	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	54,69	3	1,57	
9	6-BT09-09	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	54,69	3	1,57	
10	6-BT09-10	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	54,69	3	1,57	
11	6-BT09-11	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	54,69	3	1,57	
12	6-BT09-12	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	54,69	3	1,57	
13	6-BT09-18A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	321,03	414,80	PK6-DLS-G3	155,08	48,31	3	1,29	
14	6-BT09-22	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	49,22	3	1,42	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
15	6-BT09-23	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	49,22	3	1,42	
16	6-BT09-24	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	49,22	3	1,42	
17	6-BT09-25	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	245,87	294,77	PK6-DLS-G	102,11	41,53	3	1,20	
9. Khu 6-1-BT10	3		684,00	920,14		338,59				
1	6-BT10-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	288,00	366,52	PK6-DLS-G7M	136,25	47,31	3	1,27	
2	6-BT10-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	198,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20M	101,17	51,10	3	1,40	
3	6-BT10-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	198,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20	101,17	51,10	3	1,40	
10. Khu 6-1-BT11	10		2.328,12	3.074,58		1.138,10				
1	6-BT11-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	424,03	445,30	PK6-DLS-G5	173,66	40,95	3	1,05	
2	6-BT11-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20M	101,17	53,25	3	1,46	
3	6-BT11-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20	101,17	53,25	3	1,46	
4	6-BT11-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20M	101,17	53,25	3	1,46	
5	6-BT11-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20	101,17	53,25	3	1,46	
6	6-BT11-06	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20M	101,17	53,25	3	1,46	
7	6-BT11-08A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20	101,17	53,25	3	1,46	
8	6-BT11-08	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20M	101,17	53,25	3	1,46	
9	6-BT11-11	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20	101,17	53,25	3	1,46	
10	6-BT11-12	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	384,09	414,80	PK6-DLS-G3M	155,08	40,38	3	1,08	
11. Khu 6-1-BT12	3		720,00	994,42		355,19				
1	6-BT12-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	261,00	366,52	PK6-DLS-G7	136,25	52,20	3	1,40	
2	6-BT12-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	216,00	313,95	PK6-DLS-G6	109,47	50,68	3	1,45	
3	6-BT12-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	243,00	313,95	PK6-DLS-G6M	109,47	45,05	3	1,29	
12. Khu 6-1-BT13	12		8.923,20	12.082,44		4.305,60				
1	6-BT13-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	420,00	445,30	PK6-DLS-G5M	173,66	41,35	3	1,06	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
2	6-BT13-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20	101,17	53,25	3	1,46	
3	6-BT13-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20M	101,17	53,25	3	1,46	
4	6-BT13-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20	101,17	53,25	3	1,46	
5	6-BT13-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20M	101,17	53,25	3	1,46	
6	6-BT13-06	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20	101,17	53,25	3	1,46	
7	6-BT13-08A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20M	101,17	53,25	3	1,46	
8	6-BT13-08	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20	101,17	53,25	3	1,46	
9	6-BT13-09	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20M	101,17	53,25	3	1,46	
10	6-BT13-10	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20	101,17	53,25	3	1,46	
11	6-BT13-11	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	190,00	276,81	PK6-SLS-9.5x20M	101,17	53,25	3	1,46	
12	6-BT13-12	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	406,07	414,80	PK6-DLS-G3	155,08	38,19	3	1,02	
13. Khu 6-1-BT14	14		6.197,13	8.454,24		2.965,16				
1	6-BT14-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	345,30	405,86	PK6-DLS-G4M	156,12	45,21	3	1,18	
2	6-BT14-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	54,69	3	1,57	
3	6-BT14-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	54,69	3	1,57	
4	6-BT14-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	54,69	3	1,57	
5	6-BT14-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	54,69	3	1,57	
6	6-BT14-06	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	54,69	3	1,57	
7	6-BT14-08A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	54,69	3	1,57	
8	6-BT14-08	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	54,69	3	1,57	
9	6-BT14-09	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	54,69	3	1,57	
10	6-BT14-10	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	290,87	405,86	PK6-DLS-G4	156,12	53,67	3	1,40	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
11	6-BT14-11	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	211,44	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	44,23	3	1,27	
12	6-BT14-12	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	54,69	3	1,57	
13	6-BT14-12A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	171,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	54,69	3	1,57	
14	6-BT14-15A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	203,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	46,07	3	1,33	
14. Khu 6-1-BT15	16		3.436,52	4.410,80		1.530,68				
1	6-BT15-01	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	220,00	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	42,51	3	1,22	
2	6-BT15-02	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	180,50	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	51,81	3	1,49	
3	6-BT15-03	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	180,50	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	51,81	3	1,49	
4	6-BT15-05A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	219,78	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	42,55	3	1,23	
5	6-BT15-05	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	257,92	294,77	PK6-DLS-GM	102,11	39,59	3	1,14	
6	6-BT15-06	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,19	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	45,80	3	1,32	
7	6-BT15-08A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,19	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	45,80	3	1,32	
8	6-BT15-08	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	257,92	294,77	PK6-DLS-G	102,11	39,59	3	1,14	
9	6-BT15-09	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	211,25	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	44,27	3	1,27	
10	6-BT15-10	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	180,50	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	51,81	3	1,49	
11	6-BT15-11	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	180,50	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	51,81	3	1,49	
12	6-BT15-12	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	215,05	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	43,49	3	1,25	
13	6-BT15-12A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	257,92	294,77	PK6-DLS-GM	102,11	39,59	3	1,14	
14	6-BT15-15A	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,19	269,31	PK6-SLS-9.5x18	93,52	45,80	3	1,32	
15	6-BT15-15	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	204,19	269,31	PK6-SLS-9.5x18M	93,52	45,80	3	1,32	
16	6-BT15-16	Công ty TNHH Một thành viên Đầu tư và Phát triển DB	257,92	294,77	PK6-DLS-G	102,11	39,59	3	1,14	

STT	Mã lô theo QHCT (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tên người sử dụng, quản lý đất	Diện tích 1 lô đất (m²) (Quyết định số 148/QĐ-UBND ngày 08/01/2024 của UBND tỉnh)	Tổng diện tích sàn xây dựng khoảng (m2)	Mẫu nhà áp dụng	DTXD lô đất (m2/lô)	Mật độ xây dựng (%)	Số tầng	Hệ số sử dụng đất (Lần)	Ghi chú
-----	---	--------------------------------	--	--	-----------------	---------------------	---------------------	---------	-------------------------	---------